TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2024/HNGĐ-ST
Ngày 15 tháng 3 năm 2024
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đỗ Ngọc Tuấn
Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Phẩm
Bà Bùi Thị Hảo

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga – Thẩm tra viên Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham phiên tòa: Bà Tôn Thị Thanh Hương - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 15 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 202/2023/TLST- HNGĐ ngày 22/12/2023 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 07/02/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 184/2024/QĐST-HNGĐ ngày 23/02/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 1986

Địa chỉ: Khu 2, thị trấn H, huyện H, tỉnh Phú Thọ. Có đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1985

Địa chỉ: Khu 3, xã T, huyện H, tỉnh Phú Thọ. Hiện đang sinh sống và làm việc tại Nhật Bản (không rõ địa chỉ cụ thể). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy D trình bày:

Chị và anh Nguyễn Tuấn A kết hôn ngày 28/11/2011 tại Ủy ban nhân dân xã L (nay là xã T), huyện H, tỉnh Phú Thọ trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc hay lừa dối. Thời gian đầu sau kết hôn, anh chị chung sống hòa thuận. Tuy nhiên, sau đó, anh chị phát sinh mâu thuẫn do sự khác biệt trong tính cách giữa hai người. Hiện nay, chị xác định tình cảm cả hai dành cho nhau không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Tuấn A.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Vân Q – sinh ngày 08/10/2012. Hiện nay, cháu Q đang ở với chị D. Sau khi ly hôn, chị D đề nghị Tòa án tuyên giao cháu Q cho chị D trực tiếp nuôi mà không yêu cầu anh Nguyễn Tuấn A phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và công sức đóng góp trong thời kỳ hôn nhân, nợ chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Thân nhân của anh Nguyễn Tuấn A là bà Vũ Thị T, sinh năm 1954; địa chỉ: Khu 3, xã T, huyện H, tỉnh Phú Thọ (mẹ đẻ của anh Nguyễn Tuấn A) trình bày:

Chị Nguyễn Thị Thùy D và anh Nguyễn Tuấn A kết hôn hợp pháp và sinh được 01 con chung là cháu Nguyễn Vân Q. Khi cháu Q được 1,5 tháng tuổi thì chị D đưa cháu Q về sống ở nhà bố mẹ đẻ chị D còn anh A thì đi lao động tại Đài Loan rồi Nhật Bản. Về mâu thuẫn giữa anh A và chị D thì bà không rõ, bà chỉ biết rằng chị D không hề quan tâm hay có trách nhiệm gì với gia đình nhà chồng.

Hiện nay, anh A đang lao động tại Nhật Bản và vẫn liên lạc với bà để hỏi thăm tình hình sức khỏe, đời sống hàng ngày tại quê nhà. Về việc chị D xin ly hôn anh A, bà đã thông báo cho anh A biết nhưng anh A không cho bà biết địa chỉ cụ thể của anh tại Nhật Bản nên bà không thể cung cấp cho Tòa án được. Bà đồng ý nhận thay các văn bản tố tụng, cam kết thông báo ngay nội dung và giao lại các văn bản của Tòa án cho anh A.

Cháu Nguyễn Vân Q là con chung của chị Nguyễn Thị Thùy D và anh Nguyễn Tuấn A có văn bản trình bày nguyện vọng như sau: Trong trường hợp bố mẹ cháu ly hôn, cháu đề nghị được ở với mẹ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, việc thu thập chứng cứ của Tòa án đã tiến hành theo đúng các quy định tại Bộ Luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thùy D. Cho chị Nguyễn Thị Thùy D được ly hôn anh Nguyễn Tuấn A.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Vân Q – sinh ngày 08/10/2012 cho chị Nguyễn Thị Thùy D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Q thành niên và lao động tự túc được. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Anh Nguyễn Tuấn A không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công sức đóng góp, nợ chung: Không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

Về án phí: Chị D phải chịu theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy D nộp đơn khởi kiện ly hôn anh Nguyễn Tuấn A tại Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ. Trong đơn khởi kiện, chị D trình bày hiện anh A đang sống và làm việc ở Nhật Bản. Tại văn bản số 28930/QLXNC – P3 ngày 31/10/2023 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an xác nhận anh Nguyễn Tuấn A đã xuất cảnh lần gần nhất ngày

29/4/2022 và chưa có thông tin nhập cảnh trở lại Việt Nam. Căn cứ khoản 3 Điều 35, Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Quan hệ tranh chấp được xác định trong vụ án là quan hệ "Tranh chấp hôn nhân và gia đình".

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Thùy D và anh Nguyễn Tuấn A là hôn nhân hợp pháp. Do sự khác biệt về tính cách nên giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung trong đời sống hôn nhân. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ nên chị D yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị D được ly hôn với anh A.

Anh A hiện đang ở Nhật Bản, chị D chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng ở Việt Nam của anh A, không cung cấp được địa chỉ của anh A ở nước ngoài cho Tòa án. Qua xác minh, bà Vũ Thị Thuận là mẹ đẻ của anh A xác nhận anh A hiện đang ở Nhật Bản và vẫn thường xuyên liên lạc với bà nhưng không nói rõ địa chỉ cụ thể nên bà không cung cấp được cho Tòa án. Căn cứ công văn số 253/TANDTC – PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao, đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Hội đồng xét xử thấy rằng giữa chị D và anh A mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị D xin ly hôn anh A là có căn cứ, được chấp nhận.

[3] Về con chung: Hội đồng xét xử thấy rằng chị D và anh A có 01 con chung là cháu Nguyễn Vân Q – sinh ngày 08/10/2012. Hiện nay, cháu Q đang ở với chị D. Chị D có đề nghị giao cháu Q cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Xét thấy đề nghị này phù hợp với nguyện vọng được ở với mẹ của cháu Q nên chấp nhận.

[4] Về cấp dưỡng: Chị D không yêu cầu anh A phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy đây là sự tự nguyện của đương sự cần được ghi nhận.

[5] Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Do chị D không yêu cầu và anh A không có trình bày tại Tòa án nên Tòa án không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

[6] Về án phí: Chị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83, 123 Luật hôn nhân và gia đình 2014; khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 1 Điều 37, Điều 39, Điều 469, khoản 4 Điều 147, Điều 179, khoản 1 Điều 228, Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH, quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thùy D. Xử cho chị Nguyễn Thị Thùy D được ly hôn anh Nguyễn Tuấn A.

2. Về con chung:

Giao cháu Nguyễn Vân Q – sinh ngày 08/10/2012 cho chị Nguyễn Thị Thùy D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Q thành niên và lao động tự túc được.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Anh Nguyễn Tuấn A không phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thùy D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Xác nhận chị Nguyễn Thị Thùy D đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa số 0000085 ngày 22/12/2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật, nguyên đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trong hạn 30 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật, bị đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án, cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Cục THADS tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự;
- UBND xã T, tt H;
- Lưu: HS; AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đỗ Ngọc Tuấn